

ỨNG DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TRONG HỌC TIẾNG ANH CỦA SINH VIÊN: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH

ĐỒNG THỊ AN SINH
Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh

Nhận bài ngày 05/8/2026. Sửa chữa xong 04/9/2026. Duyệt đăng 12/9/2026.

Abstract

In the context of digital transformation, artificial intelligence (AI) is increasingly being used in English language learning at the undergraduate level. This article examines the current use of AI among students at Quang Ninh University of Industry, analyzes its effectiveness and associated challenges, and proposes solutions to enhance its application in learning. The findings provide an empirical foundation for innovating English language teaching and learning and developing students' self-directed learning capacity.

Keywords: Artificial intelligence, digital transformation, English language learning, university students.

1. Đặt vấn đề

Sự phát triển của khoa học, công nghệ và quá trình chuyển đổi số đang làm thay đổi mạnh mẽ hoạt động đào tạo ở các cơ sở giáo dục đại học (GDĐH). Trong bối cảnh đó, tiếng Anh không chỉ là công cụ giao tiếp mà còn giúp sinh viên (SV) tiếp cận tri thức, khai thác tài liệu chuyên ngành và nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường lao động. Đối với các trường đại học theo định hướng ứng dụng và kỹ thuật, năng lực tiếng Anh càng trở nên cần thiết để người học tiếp cận công nghệ mới và đáp ứng yêu cầu hội nhập. Đây cũng là định hướng được nhấn mạnh trong Nghị quyết số 52-NQ/TW của Bộ Chính trị và Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo đến năm 2030 (Ban Chấp hành Trung ương 2019; Chính phủ, 2021) và được cụ thể hóa trong Kế hoạch phát triển công nghệ thông tin và chuyển đổi số của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh (Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh, 2025).

Sự xuất hiện của trí tuệ nhân tạo (AI), đặc biệt là AI tạo sinh, đang mở ra nhiều cơ hội đổi mới phương pháp dạy và học. Các công cụ như ChatGPT, Gemini, Grammarly hay ELSA Speak được sử dụng ngày càng phổ biến để hỗ trợ tra cứu từ vựng, luyện phát âm, phát triển kỹ năng viết và thực hành giao tiếp bằng tiếng Anh. Theo UNESCO (2023), AI góp phần cá nhân hóa hoạt động học tập, cung cấp phản hồi nhanh và hỗ trợ người học tiếp cận tri thức hiệu quả hơn; tuy nhiên, việc ứng dụng AI cần gắn với phát triển năng lực số, tư duy phản biện và bảo đảm đạo đức học thuật. OECD (2024) cũng cho rằng AI chỉ thực sự phát huy giá trị khi được sử dụng như một công cụ hỗ trợ, không thay thế quá trình tư duy và học tập của người học.

Trong những năm gần đây, nhiều nghiên cứu của Holmes và cộng sự (2019), Zawacki-Richter và cộng sự (2019), Lo (2023), Kasneci và cộng sự (2023) đã khẳng định AI có tiềm năng nâng cao chất lượng dạy học và thúc đẩy học tập cá nhân hóa. Tuy nhiên, các nghiên cứu khảo sát thực trạng ứng dụng AI trong học tập Tiếng Anh tại các trường đại học theo định hướng kỹ thuật ở Việt Nam còn hạn chế, đặc biệt là các nghiên cứu kết hợp đánh giá từ cả giảng viên (GV) và SV.

Xuất phát từ thực tiễn đó, nghiên cứu này khảo sát thực trạng ứng dụng AI trong học tập Tiếng Anh của 200 SV và 06 GV Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh nhằm đánh giá mức độ sử dụng, hiệu

Email: nhunghungcnqn@gmail.com

quả, khó khăn và nhu cầu hỗ trợ khi khai thác AI. Trên cơ sở kết quả khảo sát, bài viết đề xuất một số giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả ứng dụng AI trong nhà trường.

2. Cơ sở lý luận về ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong học tập Tiếng Anh ở bậc đại học

2.1. Trí tuệ nhân tạo và xu hướng ứng dụng trong giáo dục đại học

Sự phát triển của trí tuệ nhân tạo (AI), đặc biệt là AI tạo sinh (Generative AI), đang tạo ra những thay đổi mạnh mẽ trong GDĐH. Theo Holmes và cộng sự (2019), AI là hệ thống có khả năng thực hiện các nhiệm vụ đòi hỏi trí tuệ con người như học tập, suy luận và ra quyết định. Sự phát triển của AI tạo sinh đã mở ra nhiều cơ hội đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá và quản lý giáo dục (Holmes et al., 2019; Luckin et al., 2016).

UNESCO (2023) cho rằng AI tạo sinh góp phần cá nhân hóa hoạt động học tập, hỗ trợ xây dựng học liệu và cung cấp phản hồi tức thời, qua đó nâng cao hiệu quả dạy và học. Đồng thời, tổ chức này cũng nhấn mạnh yêu cầu bảo đảm tính minh bạch, an toàn dữ liệu và đạo đức học thuật trong quá trình ứng dụng AI. Định hướng này phù hợp với Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo đến năm 2030 của Việt Nam (Chính phủ, 2021).

Theo Zawacki-Richter và cộng sự (2019), AI trong GDĐH được ứng dụng chủ yếu ở bốn lĩnh vực: hỗ trợ học tập cá nhân hóa, hỗ trợ giảng dạy, kiểm tra, đánh giá và quản lý đào tạo. Sự xuất hiện của các công cụ như ChatGPT, Gemini, Copilot và Grammarly giúp người học tiếp cận tri thức nhanh hơn, tăng cường khả năng tự học và hỗ trợ học tập linh hoạt (Lo, 2023; UNESCO, 2023). OECD (2024) cũng cho rằng AI đặt ra yêu cầu đổi mới chương trình đào tạo và phương thức đánh giá nhằm đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế số.

Mặc dù mang lại nhiều tiềm năng, AI không thể thay thế vai trò của GV. Holmes và cộng sự (2019) và UNESCO (2023) đều khẳng định việc ứng dụng AI cần lấy con người làm trung tâm, trong đó GV giữ vai trò định hướng, tổ chức hoạt động học tập và phát triển tư duy phản biện cho người học.

2.2. Vai trò của trí tuệ nhân tạo trong học tập Tiếng Anh ở bậc đại học

Việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) đang làm thay đổi cách thức học Tiếng Anh của SV theo hướng chủ động và cá nhân hóa hơn. Thay vì chỉ tiếp thu kiến thức trên lớp, người học có thể sử dụng AI để tự tìm hiểu, luyện tập và nhận phản hồi ngay trong quá trình học. Theo Lo (2023) và Luckin và cộng sự (2016), AI tạo sinh tạo điều kiện để mỗi người học lựa chọn nội dung, tốc độ và hình thức học tập phù hợp với năng lực và nhu cầu của bản thân.

Các công cụ AI hiện nay hỗ trợ khá toàn diện cho việc học ngoại ngữ. ChatGPT và Gemini giúp giải thích ngữ pháp, mở rộng vốn từ, gợi ý ý tưởng và hỗ trợ luyện viết; Grammarly hỗ trợ phát hiện lỗi ngôn ngữ và hoàn thiện bài viết học thuật; trong khi ELSA Speak giúp cải thiện phát âm và rèn luyện kỹ năng giao tiếp thông qua công nghệ nhận diện giọng nói. Việc kết hợp linh hoạt các công cụ này tạo thêm cơ hội để SV rèn luyện đồng thời các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết ngoài thời gian học trên lớp (Lo, 2023; UNESCO, 2023).

Đối với SV các ngành kỹ thuật, AI còn hỗ trợ đọc hiểu tài liệu chuyên ngành, tra cứu thuật ngữ và tiếp cận các nguồn học liệu bằng tiếng Anh nhanh chóng hơn. Tuy nhiên, hiệu quả của AI phụ thuộc vào cách thức khai thác của người học. Nếu quá phụ thuộc vào nội dung do AI tạo ra hoặc thiếu kiểm chứng thông tin, người học có thể giảm khả năng tư duy độc lập và gặp những vấn đề liên quan đến đạo đức học thuật. Vì vậy, AI cần được sử dụng như một công cụ hỗ trợ học tập, kết hợp với tư duy phản biện và sự định hướng của GV để phát huy hiệu quả trong quá trình học tập (Kasneci et al., 2023; UNESCO, 2023).

2.3. Tổng quan nghiên cứu và khoảng trống nghiên cứu

Trong những năm gần đây, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong giáo dục nói chung và dạy học ngoại ngữ nói riêng đã thu hút sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu. Các công trình của Holmes và cộng sự (2019), Zawacki-Richter và cộng sự (2019), Lo (2023), Kasneci và cộng sự (2023) và Tlili và cộng sự (2023) đều khẳng định AI có tiềm năng nâng cao chất lượng dạy học, hỗ trợ học tập cá nhân hóa và

tăng cường khả năng tự học của người học. UNESCO (2023) và OECD (2024) cũng nhấn mạnh việc ứng dụng AI cần gắn với phát triển năng lực số, tư duy phản biện và bảo đảm đạo đức học thuật.

Tại Việt Nam, các nghiên cứu về AI trong GDĐH chủ yếu tập trung vào vai trò của chuyển đổi số, định hướng ứng dụng AI trong giảng dạy và quản lý đào tạo (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2023; Nguyễn Văn Cường, 2022; Phạm Hồng Quang, 2023). Tuy nhiên, các nghiên cứu khảo sát thực nghiệm về việc khai thác AI trong học tập Tiếng Anh của SV, đặc biệt ở các trường đại học theo định hướng ứng dụng và kỹ thuật, vẫn còn khá hạn chế.

Đến nay, chưa có nghiên cứu nào khảo sát đồng thời ý kiến của GV và SV về thực trạng ứng dụng AI trong học tập Tiếng Anh tại Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh. Xuất phát từ khoảng trống đó, nghiên cứu này tiến hành khảo sát 06 GV và 200 SV nhằm đánh giá thực trạng sử dụng AI, phân tích hiệu quả, những khó khăn trong quá trình khai thác và đề xuất các giải pháp góp phần nâng cao chất lượng dạy và học tiếng Anh trong bối cảnh chuyển đổi số.

3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp nghiên cứu tài liệu kết hợp với khảo sát bằng bảng hỏi nhằm đánh giá thực trạng ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong học tập Tiếng Anh của SV Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh. Các tài liệu trong và ngoài nước về AI trong giáo dục và dạy học ngoại ngữ được tổng hợp, phân tích để xây dựng cơ sở lý luận, xác định khoảng trống nghiên cứu và làm căn cứ thiết kế công cụ khảo sát.

Khảo sát được thực hiện đối với 06 GV giảng dạy tiếng Anh và 200 SV của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh theo phương pháp chọn mẫu thuận tiện. Bảng hỏi được thiết kế trên nền tảng Google Forms, tập trung vào các nội dung: mức độ sử dụng AI, công cụ và mục đích sử dụng, hiệu quả, khó khăn và nhu cầu hỗ trợ trong quá trình học tập Tiếng Anh. Các nội dung đánh giá được đo bằng thang Likert 5 mức, kết hợp với một số câu hỏi lựa chọn để thu thập thông tin mô tả. Tổng số phiếu hợp lệ thu được là 206. Thiết kế nghiên cứu được trình bày ở bảng 1.

Bảng 1: Thiết kế nghiên cứu

Nội dung	Mô tả
Phương pháp nghiên cứu	Nghiên cứu tài liệu; khảo sát bằng bảng hỏi; thống kê mô tả
Đối tượng khảo sát	06 GV Tiếng Anh và 200 SV (206 phiếu hợp lệ)
Phương pháp chọn mẫu	Chọn mẫu thuận tiện
Công cụ khảo sát	Google Forms
Nội dung khảo sát	Mức độ sử dụng AI; công cụ và mục đích sử dụng; hiệu quả; khó khăn; giải pháp
Thang đo	Likert 5 mức kết hợp câu hỏi lựa chọn
Phương pháp phân tích	Thống kê mô tả (tần suất, tỷ lệ %, giá trị trung bình)

Nguồn: Tác giả xây dựng.

Dữ liệu sau khi thu thập được kiểm tra, làm sạch và xử lý bằng Microsoft Excel. Nghiên cứu sử dụng thống kê mô tả để phân tích tần suất, tỷ lệ phần trăm và giá trị trung bình của các biến khảo sát; đồng thời đối chiếu với các nghiên cứu trước nhằm làm rõ thực trạng và đề xuất các giải pháp phù hợp.

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Đặc điểm mẫu khảo sát

Nghiên cứu được thực hiện trên 206 đối tượng, gồm 06 GV giảng dạy Tiếng Anh và 200 SV khóa K18 của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh. Việc khảo sát đồng thời hai nhóm đối tượng giúp thu thập thông tin từ cả góc độ người dạy và người học, tạo cơ sở đánh giá thực trạng ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong học tập Tiếng Anh.

Trong số 06 GV tham gia khảo sát, 100% có trình độ thạc sĩ và trên 10 năm kinh nghiệm giảng dạy Tiếng Anh. Các GV đều đã sử dụng AI trong hoạt động chuyên môn, chủ yếu phục vụ thiết kế bài giảng, xây dựng học liệu, biên soạn câu hỏi và hỗ trợ SV trong quá trình học tập.

Đối với nhóm SV, toàn bộ 200 đối tượng khảo sát đều là SV khóa K18, được lựa chọn từ nhiều ngành đào tạo khác nhau của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh nhằm bảo đảm tính đa dạng của mẫu nghiên cứu. Đặc điểm này tạo điều kiện thuận lợi cho việc đánh giá thực trạng ứng dụng AI trong học tập Tiếng Anh của nhóm đối tượng nghiên cứu.

4.2. Thực trạng ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong học tập Tiếng Anh của sinh viên

Kết quả khảo sát cho thấy AI đã được sử dụng phổ biến trong học tập Tiếng Anh của SV Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh. Trong số 200 SV tham gia khảo sát, có 183 SV (91,5%) cho biết đã từng sử dụng ít nhất một công cụ AI, trong khi chỉ 17 SV (8,5%) chưa từng sử dụng. Điều này cho thấy AI đang dần trở thành công cụ hỗ trợ quen thuộc trong quá trình học tập của SV.

Bảng 2: Thực trạng sử dụng AI trong học tập Tiếng Anh của SV (n = 200)

Nội dung khảo sát	Kết quả
SV đã từng sử dụng ít nhất một công cụ AI	183 (91,5%)
Chưa từng sử dụng AI	17 (8,5%)
Tần suất sử dụng AI	
Hàng ngày	38,0%
Từ 3–5 lần/tuần	34,5%
Từ 1–2 lần/tuần	18,0%
Chỉ sử dụng khi cần thiết	9,5%
Các công cụ AI được sử dụng*	
ChatGPT	84,0%
Gemini	61,0%
Grammarly	57,0%
Microsoft Copilot	41,5%
ELSA Speak	38,0%

Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả (2026).

Ghi chú: Người trả lời có thể lựa chọn nhiều công cụ AI nên tổng tỷ lệ vượt quá 100%.

Kết quả ở bảng 2 cho thấy phần lớn SV sử dụng AI với tần suất khá thường xuyên. Có 38,0% SV sử dụng AI hàng ngày và 34,5% sử dụng từ 3–5 lần mỗi tuần, cho thấy AI đã trở thành công cụ hỗ trợ học tập được khai thác thường xuyên thay vì chỉ sử dụng khi cần thiết.

Trong các công cụ được khảo sát, ChatGPT được sử dụng nhiều nhất (84,0%), tiếp theo là Gemini (61,0%), Grammarly (57,0%), Microsoft Copilot (41,5%) và ELSA Speak (38,0%). Kết quả này cho thấy SV ưu tiên sử dụng các công cụ AI tạo sinh có khả năng hỗ trợ đa dạng các hoạt động học tập như giải thích ngữ pháp, mở rộng vốn từ, luyện viết, dịch thuật và tìm kiếm thông tin. Trong khi đó, Grammarly và ELSA Speak chủ yếu được sử dụng để hỗ trợ phát triển các kỹ năng viết và phát âm. Xu hướng này phù hợp với nhận định của Lo (2023) và Kasneci và cộng sự (2023) về vai trò của AI trong cá nhân hóa hoạt động học tập và cung cấp phản hồi kịp thời cho người học.

Khảo sát đối với 06 GV cũng cho thấy AI đã được ứng dụng trong nhiều hoạt động chuyên môn như thiết kế bài giảng, xây dựng học liệu, biên soạn câu hỏi và hỗ trợ SV ngoài giờ học. Tuy nhiên, các GV đều cho rằng AI chỉ nên được sử dụng như công cụ hỗ trợ và không thể thay thế vai trò của GV trong việc tổ chức hoạt động học tập, phát triển tư duy phản biện và đánh giá năng lực của người học.

Bên cạnh những kết quả tích cực, khảo sát cho thấy một số SV còn gặp khó khăn trong việc xây dựng câu lệnh (prompt), kiểm chứng thông tin và sử dụng AI một cách hiệu quả. Điều này cho thấy việc ứng dụng AI trong học tập Tiếng Anh vẫn cần được định hướng và hỗ trợ nhiều hơn nhằm phát huy năng lực tự học, tư duy phản biện và ý thức tuân thủ đạo đức học thuật. Nhận định này phù hợp với khuyến nghị của UNESCO (2023) và OECD (2024) về việc ứng dụng AI có trách nhiệm trong GDĐH.

4.3. Hiệu quả của việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong học tập Tiếng Anh của sinh viên

Kết quả khảo sát cho thấy SV đánh giá tích cực về hiệu quả của việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong học tập Tiếng Anh. Điểm trung bình chung của nhóm tiêu chí về hiệu quả đạt 4,26/5 (mức rất cao), trong khi nhóm tiêu chí về khó khăn đạt 3,58/5 (mức cao). Điều này cho thấy AI đã mang lại những giá trị rõ rệt trong hỗ trợ học tập, song việc khai thác hiệu quả công nghệ vẫn phụ thuộc vào năng lực sử dụng của người học.

Bảng 3: Đánh giá của SV về hiệu quả và khó khăn khi ứng dụng AI trong học tập Tiếng Anh (n = 200)

TT	Tiêu chí đánh giá	Mean	SD	Mức đánh giá
A	Hiệu quả của việc sử dụng AI			
1	AI giúp tra cứu từ vựng và ngữ pháp nhanh hơn	4,42	0,58	Rất cao
2	AI hỗ trợ nâng cao kỹ năng viết tiếng Anh	4,31	0,65	Rất cao
3	AI giúp tiết kiệm thời gian tìm kiếm tài liệu	4,27	0,69	Rất cao
4	AI hỗ trợ luyện phát âm và giao tiếp	4,18	0,73	Cao
5	AI góp phần nâng cao khả năng tự học	4,12	0,71	Cao
	Điểm trung bình chung	4,26		Rất cao
B	Khó khăn khi sử dụng AI			
6	Chưa biết cách xây dựng câu lệnh (prompt) hiệu quả	3,78	0,82	Cao
7	Khó đánh giá độ chính xác của thông tin	3,65	0,80	Cao
8	Có xu hướng phụ thuộc vào AI khi làm bài	3,51	0,86	Trung bình
9	Chưa hiểu rõ quy định về đạo đức học thuật khi sử dụng AI	3,37	0,91	Trung bình
	Điểm trung bình chung	3,58		Cao

Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả (2026)

Ghi chú: Thang đo Likert 5 mức (1 = Hoàn toàn không đồng ý; 5 = Hoàn toàn đồng ý).

Các kết quả khảo sát cho thấy AI phát huy hiệu quả rõ nhất trong những hoạt động học tập đòi hỏi khả năng tra cứu, xử lý và phản hồi thông tin nhanh. Ba tiêu chí có điểm trung bình cao nhất là hỗ trợ tra cứu từ vựng và ngữ pháp (Mean = 4,42), nâng cao kỹ năng viết tiếng Anh (Mean = 4,31) và tiết kiệm thời gian tìm kiếm tài liệu (Mean = 4,27). Điều này phản ánh xu hướng SV sử dụng AI như một công cụ hỗ trợ học tập thường xuyên, giúp rút ngắn thời gian tiếp cận tri thức và nâng cao hiệu quả tự học. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Kasneci và cộng sự (2023) và Lo (2023), trong đó nhấn mạnh vai trò của AI tạo sinh trong việc cá nhân hóa hoạt động học tập, cung cấp phản hồi kịp thời và hỗ trợ phát triển năng lực ngoại ngữ.

Bên cạnh những lợi ích, kết quả khảo sát cũng cho thấy SV gặp không ít khó khăn trong quá trình sử dụng AI. Hai vấn đề được đánh giá ở mức cao là chưa biết cách xây dựng câu lệnh (prompt) hiệu quả (Mean = 3,78) và khó kiểm chứng độ chính xác của thông tin do AI cung cấp (Mean = 3,65). Đáng chú ý, mức độ đồng thuận đối với tiêu chí “có xu hướng phụ thuộc vào AI khi làm bài” (Mean = 3,51) cho thấy nguy cơ người học dựa quá nhiều vào kết quả do AI tạo ra nếu thiếu kỹ năng đánh giá và chọn lọc thông tin. Điều này cho thấy hiệu quả của AI không chỉ phụ thuộc vào khả năng của công nghệ mà còn chịu tác động bởi năng lực số, tư duy phản biện và ý thức học tập của người sử dụng.

Nhìn chung, kết quả nghiên cứu cho thấy AI đang góp phần nâng cao hiệu quả học tập Tiếng Anh thông qua việc hỗ trợ tiếp cận kiến thức, phát triển kỹ năng ngôn ngữ và tăng cường khả năng tự học của SV. Tuy nhiên, để AI phát huy hiệu quả bền vững, các cơ sở giáo dục cần quan tâm bồi dưỡng kỹ năng khai thác AI, hướng dẫn SV xây dựng câu lệnh hiệu quả, kiểm chứng thông tin và tuân thủ đạo đức học thuật. Đây cũng là định hướng được UNESCO (2023) và OECD (2024) khuyến nghị nhằm bảo đảm AI trở thành công cụ hỗ trợ phát triển năng lực người học, thay vì thay thế quá trình tư duy và học tập.

4.4. Giải pháp nâng cao hiệu quả ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong học tập Tiếng Anh của sinh viên

Kết quả khảo sát cho thấy phần lớn SV đã sử dụng AI trong học tập Tiếng Anh và đánh giá đây là công cụ hỗ trợ hiệu quả trong việc tra cứu kiến thức, luyện tập kỹ năng ngôn ngữ và nâng cao khả năng tự học. Tuy nhiên, việc sử dụng AI vẫn chủ yếu dựa trên kinh nghiệm cá nhân, chưa có định hướng thống nhất và chưa khai thác hết tiềm năng của các công cụ AI trong hỗ trợ học tập. Bên cạnh đó, một bộ phận SV còn gặp khó khăn trong việc xây dựng câu lệnh (prompt), đánh giá độ tin cậy của thông tin và sử dụng AI đúng chuẩn mực đạo đức học thuật. Trên cơ sở kết quả khảo sát và những khuyến nghị từ các nghiên cứu trước, bài viết đề xuất một số giải pháp sau:

4.4.1. Xây dựng định hướng sử dụng AI trong học tập Tiếng Anh theo hướng an toàn và hiệu quả

Kết quả khảo sát cho thấy SV gặp khó khăn lớn nhất trong việc xây dựng câu lệnh (prompt) hiệu quả (Mean = 3,78) và kiểm chứng độ tin cậy của thông tin do AI cung cấp (Mean = 3,65). Điều này cho thấy việc sử dụng AI của SV vẫn chủ yếu dựa trên kinh nghiệm cá nhân, thiếu định hướng và kỹ năng khai thác phù hợp. Vì vậy, nhà trường cần ban hành hướng dẫn về sử dụng AI trong học tập và nghiên cứu, đồng thời tổ chức các khóa bồi dưỡng ngắn hoặc chuyên đề nhằm trang bị cho SV kỹ năng xây dựng câu lệnh, lựa chọn công cụ phù hợp, kiểm chứng thông tin và trích dẫn nguồn đúng quy định. Bên cạnh đó, cần lồng ghép nội dung về đạo đức học thuật và trách nhiệm khi sử dụng AI vào các hoạt động học tập nhằm hình thành thói quen sử dụng AI một cách an toàn, hiệu quả và có trách nhiệm. Giải pháp này phù hợp với khuyến nghị của UNESCO (2023) và Bộ Giáo dục và Đào tạo (2023) về phát triển năng lực số và sử dụng AI có trách nhiệm trong giáo dục.

4.4.2. Đổi mới phương pháp giảng dạy và kiểm tra, đánh giá theo hướng phát huy hiệu quả của AI

Kết quả khảo sát cho thấy AI đã trở thành công cụ học tập quen thuộc của SV, tuy nhiên hiệu quả sử dụng còn phụ thuộc vào cách tổ chức hoạt động dạy học của GV. Vì vậy, GV cần chủ động tích hợp AI vào quá trình giảng dạy thông qua thiết kế các nhiệm vụ học tập yêu cầu SV sử dụng AI để tìm kiếm thông tin, phân tích, so sánh và giải quyết vấn đề, thay vì chỉ khai thác AI để tìm đáp án. Việc kết hợp AI với các phương pháp dạy học tích cực sẽ góp phần phát huy tính chủ động, năng lực tự học và tư duy phản biện của người học.

Bên cạnh đó, cần đổi mới hình thức kiểm tra, đánh giá theo hướng chú trọng quá trình học tập và năng lực vận dụng của SV. Tăng cường các hình thức như thuyết trình, dự án học tập, bài tập nhóm, sản phẩm học tập và phỏng vấn sẽ giúp đánh giá đúng năng lực sử dụng Tiếng Anh, đồng thời hạn chế tình trạng lạm dụng AI trong thực hiện các bài tập hoặc bài kiểm tra. Giải pháp này phù hợp với khuyến nghị của UNESCO (2023) và OECD (2024), trong đó nhấn mạnh việc ứng dụng AI cần gắn với đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá nhằm phát triển năng lực người học trong bối cảnh chuyển đổi số.

4.4.3. Phát triển năng lực số và năng lực tự học của sinh viên trong khai thác AI

Kết quả khảo sát cho thấy mặc dù SV đánh giá cao hiệu quả của AI trong học tập Tiếng Anh, nhiều em vẫn gặp khó khăn trong việc xây dựng câu lệnh (prompt), kiểm chứng thông tin và có xu hướng phụ thuộc vào nội dung do AI tạo ra. Điều này cho thấy việc phát huy hiệu quả của AI không chỉ phụ thuộc vào công nghệ mà còn phụ thuộc vào năng lực số và khả năng tự học của người sử dụng.

Vì vậy, SV cần được bồi dưỡng kỹ năng xây dựng câu lệnh phù hợp với mục tiêu học tập, biết lựa chọn và kết hợp các công cụ AI một cách linh hoạt, đồng thời chủ động đối chiếu thông tin với giáo trình, tài liệu khoa học và ý kiến của GV để đảm bảo tính chính xác. Bên cạnh đó, cần chú trọng rèn luyện tư duy phản biện, kỹ năng đánh giá thông tin và khả năng tự học nhằm khai thác AI như một công cụ hỗ trợ học tập, thay vì phụ thuộc vào các kết quả do AI tạo ra. Đây cũng là những năng lực cốt lõi mà UNESCO (2023) và Luckin và cộng sự (2016) khuyến nghị cần phát triển trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục.

4.4.4. Tăng cường sự phối hợp giữa nhà trường, giảng viên và sinh viên trong ứng dụng AI

Kết quả nghiên cứu cho thấy hiệu quả ứng dụng AI không chỉ phụ thuộc vào công cụ mà còn chịu

tác động của môi trường học tập và sự hỗ trợ từ các chủ thể trong quá trình đào tạo. Vì vậy, việc khai thác hiệu quả AI cần được triển khai đồng bộ giữa nhà trường, GV và SV.

Nhà trường cần đầu tư hạ tầng công nghệ, phát triển học liệu số và xây dựng môi trường học tập hỗ trợ ứng dụng AI theo đúng định hướng Kế hoạch phát triển công nghệ thông tin và chuyển đổi số (Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh, 2025). GV giữ vai trò định hướng, hướng dẫn SV sử dụng AI đúng mục đích, đồng thời theo dõi và điều chỉnh việc sử dụng AI trong quá trình học tập. Về phía SV, cần chủ động rèn luyện năng lực tự học, sử dụng AI có trách nhiệm và tuân thủ các quy định về đạo đức học thuật. Sự phối hợp chặt chẽ giữa các chủ thể sẽ góp phần nâng cao hiệu quả ứng dụng AI trong dạy và học tiếng Anh, đồng thời tạo nền tảng cho quá trình chuyển đổi số bền vững trong GDĐH.

5. Kết luận

Nghiên cứu đã làm rõ thực trạng ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong học tập Tiếng Anh của SV Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh. Kết quả khảo sát cho thấy AI được sử dụng khá phổ biến và mang lại nhiều lợi ích trong hỗ trợ học tập, góp phần nâng cao khả năng tự học và phát triển các kỹ năng Tiếng Anh. Tuy nhiên, SV vẫn gặp khó khăn trong việc xây dựng câu lệnh (prompt), kiểm chứng thông tin và khai thác AI một cách hiệu quả.

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, bài viết đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả ứng dụng AI trong học tập Tiếng Anh theo hướng sử dụng AI có trách nhiệm, đổi mới phương pháp giảng dạy, phát triển năng lực số và tăng cường sự phối hợp giữa nhà trường, GV và SV. Kết quả nghiên cứu góp phần bổ sung cơ sở thực tiễn cho việc ứng dụng AI trong dạy và học Tiếng Anh, đồng thời là tài liệu tham khảo cho các cơ sở GDĐH trong bối cảnh chuyển đổi số.

Tài liệu tham khảo

- Ban Chấp hành Trung ương (2019). *Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2023). *Quyết định số 1315/QĐ-BGDĐT ngày 13/5/2023 ban hành Kế hoạch tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2023–2025*.
- Chính phủ (2021). *Quyết định số 127/QĐ-TTg ngày 26/1 /2021 ban hành Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo đến năm 2030*.
- Holmes, W., Bialik, M., & Fadel, C. (2019). *Artificial intelligence in education: Promises and implications for teaching and learning*. Center for Curriculum Redesign.
- Kasneci, E., Sessler, K., Küchemann, S., Bannert, M., Dementieva, D., Fischer, F., Gasser, U., Groh, G., Günnemann, S., Hüllermeier, E., Krusche, S., Kutyniok, G., Michaeli, T., Nerdel, C., Pfeiffer, F., Poquet, O., Sailer, M., Schmidt, A., Seidel, T., & Kasneci, G. (2023). ChatGPT for good? On opportunities and challenges of large language models for education. *Learning and Individual Differences*, 103, Article 102274. <https://doi.org/10.1016/j.lindif.2023.102274>.
- Lo, C. K. (2023). What is the impact of ChatGPT on education? A rapid review of the literature. *Education Sciences*, 13(4), Article 410. <https://doi.org/10.3390/educsci13040410>.
- Luckin, R., Holmes, W., Griffiths, M., & Forcier, L. B. (2016). *Intelligence unleashed: An argument for AI in education*. Pearson Education.
- Nguyễn Văn Cường (2022). Chuyển đổi số trong giáo dục đại học: Cơ hội, thách thức và giải pháp. *Tạp chí Giáo dục*, 22 (Số đặc biệt), 1–6.
- OECD (2024). *Artificial intelligence and the future of skills*. OECD Publishing. <https://doi.org/10.1787/18182747>.
- Phạm Hồng Quang (2023). Ứng dụng công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo trong đổi mới giáo dục đại học ở Việt Nam. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 19(3), 12–18.
- Tlili, A., Shehata, B., Adarkwah, M. A., Bozkurt, A., Hickey, D. T., Huang, R., & Agyemang, B. (2023). What if the devil is my guardian angel? ChatGPT as a case study of generative artificial intelligence (GAI) in education. *Smart Learning Environments*, 10(1), Article 15. <https://doi.org/10.1186/s40561-023-00237-x>.
- Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh (2025). *Kế hoạch phát triển công nghệ thông tin và chuyển đổi số của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh*.
- UNESCO (2023). *Guidance for generative AI in education and research*. <https://doi.org/10.54675/EVFR4354>.
- Zawacki-Richter, O., Marín, V. I., Bond, M., & Gouverneur, F. (2019). Systematic review of research on artificial intelligence applications in higher education: Where are the educators? *International Journal of Educational Technology in Higher Education*, 16, Article 39. <https://doi.org/10.1186/s41239-019-0171-0>.